

Bản án số:06/2020/HS-ST

Ngày: 27/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ TỈNH G L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến S**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu T**

Ông **Lê Văn D**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thế Q**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ Đ tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định xét xử sơ thẩm số 09/2020/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 01 năm 2020, đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Lê Thị H V, tên gọi khác: Không. Sinh năm 1992 tại huyện Chợ L, tỉnh B T. Nơi cư trú: Ấp V H, xã V T, huyện Chợ L, tỉnh B T. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 8/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Phật giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê V T, sinh năm 1955 và Trần T T, sinh năm 1955. Bị cáo không có chồng. Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2012. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2019 tại nhà tạm giữ công an huyện Đ Đ. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Lê T T, tên gọi khác: Không. Sinh năm 1989 tại huyện T G, tỉnh T H. Nơi cư trú: Thôn H K, xã H N, huyện T G, tỉnh T H. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê D L, sinh năm 1962 và bà Lê T H, sinh năm 1963. Bị cáo có chồng: Phùng S T, sinh năm 1988. Bị cáo có 02 người con; lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2019 tại nhà tạm giữ công an huyện Đ Đ, tỉnh G L. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trần T T H – sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Ô Y, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt

2. Phạm T T T – sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Ô Y, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt

3. Ng V T - sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn X, xã I P, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt

4. H M T - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn X, xã I P, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt

5. P – sinh năm; 1983

Địa chỉ: Làng B L, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Vắng mặt

6. T V Đ, sinh năm: 1950

Địa chỉ: Thôn K T, xã Đ B, Thành phố K T, tỉnh K T.

Vắng mặt

7. Trần T T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp V H, xã V T, huyện Chợ L, tỉnh B T.

Có mặt

Người phiên dịch: Ông J

Trú tại: T D P, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 4/2019, Lê Thị H V làm hợp đồng thuê nhà, đất của ông T V Đ, địa điểm nhà, đất mà bị cáo Lê Thị H V thuê thuộc Thôn O, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L, thời hạn thuê là 03 năm, với mục đích mở quán bán cà phê. Lê Thị H V thuê người xây dựng 12 chòi lán, chia thành 02 dãy, mỗi dãy 06 chòi lán trong khuôn viên đất đã thuê để phục vụ cho việc kinh doanh của quán.

Ngày 10/4/2019, Lê Thị H V khai trương lấy tên là "Quán Cà phê 68", tại Thôn O, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L, với các loại hình phục vụ gồm: Bán cà phê, nước ngọt; nhân viên nữ ngồi nói chuyện, ôm ấp với khách nam; massage kích dục cho khách nam khi khách có nhu cầu. Trong thời gian hoạt động của quán Lê Thị H V thuê nhiều nữ nhân viên đến làm phục vụ quán trong đó có Lê T T và Trần T T H (sinh năm 1993; nơi cư trú: H C M). V cho các nữ nhân viên phục vụ quán nếu khách nam nào có nhu cầu tiếp chuyện với nữ nhân viên thì thu số tiền 100.000 đồng và nếu khách nam yêu cầu massage kích dục trong thời gian 30 phút với số tiền là 200.000 đồng, số tiền nữ nhân viên được hưởng là 100.000 đồng, số tiền còn lại thì nữ nhân viên đưa cho V hoặc T (để T ghi vào sổ rồi đưa cho V). Đến ngày 22/4/2019, V và T biết Trần T T H nữ nhân viên của quán thực hiện hành vi bán dâm tại chòi trong quán cà phê nhưng V và T vẫn đồng ý để H thực hiện hành vi

bán dâm, cứ một lần H bán dâm tại chòi quán thì đưa lại cho T số tiền là 100.000 đồng, sau đó T ghi vào sổ trừ chi phí của quán rồi giao nộp lại cho Lê Thị H V.

Ngày 27/4/2019, do quen biết với T từ trước và biết P T T (sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tỉnh K H đang có nhu cầu xin việc làm thì T rủ T lên làm nhân viên phục vụ tại Quán cà phê 68 (qua mạng xã hội Zalo, T nói cho T biết về việc làm tại quán, trong đó có việc bán dâm cho khách) thì T đồng ý lên quán làm.

Ngày 07/5/2019, Lê Thị H V có việc gia đình phải về quê nhà tại tỉnh B T nên V giao lại quán cho Lê T T quản lý và trông coi quán cùng với số nhân viên của quán. Trong thời gian được giao quản lý thì T biết nhân viên nữ Trần T T H vẫn tiếp tục bán dâm tại quán nhưng T vẫn đồng ý để H làm và thu tiền cho mỗi lần H bán dâm và Massage kích dục tại chòi quán số tiền là 100.000 đồng.

Đến sáng ngày 16/5/2019, P T T đến Quán cà phê 68 để làm việc, trong hai ngày 16/5/2019 và ngày 17/05/2019, T biết T và H đã nhiều lần bán dâm tại chòi Quán với khách nam nhưng T vẫn đồng ý để cả hai thực hiện hành vi bán dâm, sau đó thu tiền chòi quán cứ 100.000đồng/01 lượt rồi ghi chép vào sổ để đưa lại cho V.

Vào khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 17/5/2019, Công an huyện Đ Đ kiểm tra hành chính tại Quán cà phê 68 phát hiện tại Chòi lán số 3 (phía bên tay phải tính từ ngoài cổng vào) Trần T T H đang thực hiện hành vi bán dâm (quan hệ tình dục) với Ng V T (sinh năm 1995, trú tại: Thôn X, xã I P, huyện Đ Đ, tỉnh G L). Tại chòi lán số 4 (phía bên tay phải tính từ ngoài cổng vào) Phạm T T T đang thực hiện hành vi bán dâm (quan hệ tình dục) với H M T (sinh năm 1994; trú tại: Thôn X, xã I P, huyện Đ Đ, tỉnh G L). Công an huyện Đ Đ đã lập biên bản vi phạm hành chính và thu giữ một số tài sản, đồ vật, tài liệu có liên quan đến hành vi trên.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ ngày 22/4/2019 đến ngày bị bắt ngày 17/5/2019 các bị can Lê Thị H V và Lê T T đã thực hiện hành vi chứa mại dâm nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 22/04/2019, H kích dục cho khách 03 lần, V thu được từ H số tiền là 300.000 đồng.

- Ngày 23/4/2019, H kích dục cho khách 04 lần và 02 lần bán dâm cho khách, V thu được từ H số tiền là 600.000 đồng.

- Ngày 24/4/2019, H kích dục cho khách là 04 lần và 01 lần bán dâm cho khách, V thu được từ H số tiền là 500.000 đồng.

- Ngày 25/4/2019, H kích dục cho khách 04 lần và 02 lần bán dâm, V thu được từ H số tiền là 600.000 đồng.

- Ngày 26/4/2019, H kích dục cho khách 04 lần và 02 lần bán dâm, V thu được từ H số tiền là 600.000 đồng.

- Ngày 27/4/2019, H kích dục cho khách 03 lần, V thu được từ H số tiền là 300.000đồng.

- Ngày 28/4/2019, H kích dục cho khách 03 lần, V thu được từ H số tiền là 300.000 đồng.

- Ngày 29/4/2019, H kích dục cho khách 04 lần và 02 lần bán dâm, V thu được từ H số tiền là 600.000 đồng.

- Ngày 01/5/2019, H kích dục cho khách 06 lần và 02 lần bán dâm, V thu được từ H số tiền là 800.000 đồng.

- Ngày 03/5/2019, H kích dục cho khách 01 lần, V thu được từ H số tiền là 100.000 đồng.
 - Ngày 04/5/2019, H kích dục cho khách 07 lần và 01 lần bán dâm, V thu được từ H số tiền là 800.000 đồng.
 - Ngày 05/5/2019, H kích dục cho khách 10 lần, V thu được từ H số tiền là 1000.000 đồng.
 - Ngày 06/5/2019, H kích dục cho khách 06 lần và 01 lần bán dâm, V thu được từ H số tiền là 700.000 đồng.
 - Ngày 07/5/2019, H kích dục cho khách 03 lần, T thu được từ H số tiền là 300.000 đồng.
 - Ngày 08/5/2019, H kích dục cho khách 04 lần, T thu được từ H số tiền là 400.000 đồng.
 - Ngày 09/5/2019, H kích dục cho khách 03 lần và 01 lần bán dâm, T thu được từ H số tiền là 400.000 đồng.
 - Ngày 10/5/2019, H kích dục cho khách 02 lần, T thu được từ H số tiền là 200.000 đồng.
 - Ngày 11/5/2019, H kích dục cho khách 02 lần, T thu được từ H số tiền là 200.000 đồng.
 - Ngày 12/5/2019, H kích dục cho khách 13 lần và 03 lần bán dâm, T thu được từ H số tiền là 1600.000 đồng.
 - Ngày 13/5/2019, H kích dục cho khách 06 lần, T thu được từ H số tiền là 600.000 đồng.
 - Ngày 14/5/2019, H kích dục cho khách 12 lần và 02 lần bán dâm, T thu được từ H số tiền là 1400.000 đồng.
 - Ngày 15/5/2019, H kích dục cho khách 11 lần và 01 lần bán dâm, T thu được từ H số tiền là 1200.000 đồng.
 - Ngày 16/5/2019, H kích dục cho khách 02 lần và 02 lần bán dâm, T thu được từ H số tiền là 400.000 đồng.
 - Ngày 17/5/2019, H 02 lần bán dâm, T thu được từ H số tiền là 100.000 đồng, trong lúc đang bán dâm lần thứ 2 thì bị Công an huyện Đ Đ bắt quả tang.
- Trong khoảng thời gian từ ngày 22/4/2019 đến ngày 17/05/2019 thì H đã thực hiện 24 lần bán dâm cho khách và 113 lần kích dục cho khách nam, V và T thu được từ H số tiền là: 13.600.000 đồng.
- Đối với Phạm Thị Thu T, trong ngày 16/5/2019 T thực hiện 01 lần bán dâm và 5 lần kích dục, T thu được từ T số tiền là 600.000 đồng.
 - Trong ngày 17/5/2019 T thực hiện 05 lần bán dâm và 01 lần kích dục cho khách, T thu được từ T số tiền là 500.000 đồng. Do lần thứ 5 trong khi đang thực hiện hành vi bán dâm thì bị Công an bắt quả tang thu tại Chòi lán số tiền 600.000 đồng.
- Đối với Phạm T T T trong thời gian từ ngày 16/5/2019 đến ngày 17/5/2019 đến khi bị Công an huyện Đ Đ bắt quả tang thì T đã bán dâm 6 lần, kích dục cho khách 06 lần, V và T thu được từ T số tiền là 1.100.000 đồng.
- Tổng số tiền V và T thu được từ hành vi chứa mại dâm và hoạt động kích dục của các như nhân viên là 14.700.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi trừ các chi phí

mà bị cáo V đã chi như nước ngọt, khăn, điện, nước... thì bị cáo V thu lợi bất chính được số tiền là 7.350.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ tỉnh G L truy tố các bị cáo Lê Thị H V và Lê T T về tội “Chứa mại dâm” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị:

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Thị H V từ 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2019.

Xử phạt bị cáo Lê T T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2019.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, 01 hộp giấy bên trong có 16 hộp bao cao su nhãn hiệu Xmens (mỗi hộp bên trong có 03 bao cao su) chưa sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.950.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 17/5/2019, Công an huyện Đ Đ kiểm tra hành chính tại Quán cà phê 68 phát hiện tại Chòi lán số 3 Trần T T H đang thực hiện hành vi bán dâm với N V T. Tại chòi lán số 4 P T T đang thực hiện hành vi bán dâm với H M T. Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ ngày 22/4/2019 đến ngày 17/5/2019 tại Quán cà phê 68 thuộc Thôn O, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L do Lê Thị Hồng V là chủ quán đã có hành vi cho nhân viên phục vụ của quán là Trần T T H bán dâm nhiều lần cho khách (24 lần), thu lợi bất chính số tiền là 7.350.000 đồng. Từ ngày 07/5/2019 đến ngày 17/5/2019 Lê T T được Lê Thị H V giao trông coi, quản lý Quán cà phê 68 đã có hành vi để cho nhân viên phục vụ quán là Trần T T H và P T T bán dâm nhiều lần cho khách (17 lần).

Hành vi của các bị cáo đã vi phạm vào tội “Chứa mại dâm” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hình vi phạm tội của mình. Bị cáo V có bố là ông Lê V T là hội viên cựu chiến binh là người có công với cách mạng, sau khi tội phạm được phát hiện đã tự nguyện ra đầu thú, đã giao nộp số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo cần phải chữa trị. Bị cáo Lê T T có bác ruột là liệt sỹ. Ngoài ra bị cáo V và bị cáo T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, cung cấp tài liệu quan trọng để giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm trong vụ án khác và có công văn của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ Đ (bút lục số 265) nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt:

Bị cáo Lê Thị H V và Lê T T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, sử dụng căn nhà cho thuê để chứa chấp người khác thực hiện hành vi mua bán dâm nhiều lần nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng cũng như thuần phong mỹ tục của xã hội. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian suy nghĩ và sửa chữa lỗi lầm, đồng thời mới bảo đảm được tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo V là chủ Quán cà phê 68 đã có hành vi chứa mại dâm nhiều lần nhằm thu lợi bất chính nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[5] Vật chứng trong vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7, vỏ màu vàng, số Imei: 353317093395870; bên trong có sim số: 0339739145 của Trần Thị T H.

- 01 phong bì bên trong có số tiền là 5.000.000 đồng.

- Số tiền là 20.090.000 đồng để bên trong cuốn vở học sinh 200 trang cả bìa nhãn hiệu Hồng Hà.

- 01 cuốn vở học sinh 200 trang cả bìa nhãn hiệu Hồng Hà, bên trong cuốn vở có số tiền là 20.090.000 đồng.

- 01 túi xách hình trụ tròn màu nâu da bên trong có số tiền là 1.909.000 đồng.

- 01 Hợp đồng cho thuê nhà, đất tại thửa đất số 457 – tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Thôn O Yố, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L do Lê Thị H V thuê, có chứng thực

của văn phòng công chứng X H; địa chỉ: 157 Trường Chinh, P.Trà Bá, thành phố Pleiku, G L;

- 01 hợp đồng cho thuê nhà ở do Lê Thị H V thuê địa chỉ tại Thôn O, xã I B, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể cấp cho Lê Thị H V do Phòng tài chính kế hoạch huyện Đ Đ, tỉnh G L cấp ngày 12 tháng 04 năm 2019.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng, số imei: 355729077164460 của Lê Thị H V.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen, Số Imei: 355901065828360 của Lê T T.

- 01 chiếc ví màu nâu của Trần Thị T H, bên trong có số tiền 700.000 đồng.

- 01 ví da bên trong có số tiền 3.050.000 đồng.

Những tài sản, đồ vật trên không có liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản, đồ vật cho chủ sở hữu theo quy định.

-02 cuốn vở học sinh ghi các con số và chữ đây là các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

-02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, 01 hộp giấy bên trong có 16 hộp bao cao su nhãn hiệu Xmens (mỗi hộp bên trong có 03 bao cao su) chưa sử dụng. Đây là những vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền: 7.950.000 đồng. Trong đó có 7.350.000 đồng là tiền thu lợi bất chính và 600.000 đồng là tiền thu giữ tại quán. Các vật chứng trên có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với Trần T T H và Phạm T T T là nhân viên phục vụ của Quán cà phê 68 đã có hành vi bán dâm cho khách mua dâm. Hành vi của H và T không cấu thành tội phạm nên Công an huyện Đ Đ đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

Đối với N V T, H M T và P đã có hành vi mua dâm tại Quán cà phê 68. Hành vi của T, T và P không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra Công an huyện Đ Đ đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định.

Đối với ông T V Đ, là người đã cho Lê Thị H V thuê nhà, đất việc Lê Thị H V sử dụng địa điểm thuê này làm để chứa mại dâm, ông Đồng không biết nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự với ông T V Đ.

[6] Về dân sự:

- Sau khi sự việc xảy ra bị cáo Lê Thị H V đã tác động mẹ bị cáo là bà L T T bồi thường thu lợi bất chính là 315.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà T không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố:

- Bị cáo Lê Thị H V và bị cáo Lê T T phạm tội “Chứa mại dâm”.

3. Hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị H V 02 (Hai năm) 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2019.

+ Xử phạt bị cáo Lê T T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2019.

4. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, 01 hộp giấy bên trong có 16 hộp bao cao su nhãn hiệu Xmens (mỗi hộp bên trong có 03 bao cao su) chưa sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 7.950.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày ngày 28/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ Đ với chỉ Cục thi hành án hình sự huyện Đ Đ).

5. Về án phí: Xử buộc bị cáo Lê Thị H V và bị cáo Lê T T mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/02/2020), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến **quyền lợi** của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Công an huyện Đ Đ;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có qlnvq đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Án Văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn T S

